

ĐA DẠNG LAN TỰ NHIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Minh Ty*, Nguyễn Vinh Hiền

Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương

*Email: tynm@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 31/01/2021; Ngày chấp nhận đăng: 01/3/2021

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu đa dạng lan tự nhiên thuộc họ Lan (Orchidaceae) trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020, đã xác định được 119 loài thuộc 49 chi khác nhau, chiếm tỷ lệ 9,91% trong tổng số lan rừng có mặt tại Việt Nam (1.200 loài). Trong đó, tất cả các loài đều có giá trị làm cảnh, 13 loài làm thuốc và 6 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007). Dạng sống của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) cũng được ghi nhận, bao gồm: 107 loài Phong lan (Epi.); 12 loài Địa lan (Ter.); nhóm vừa thạch lan (Lit.) và phong lan (Epi.) có 4 loài, nhóm địa lan (Ter.) và phong lan (Epi.) có 3 loài.

Từ khóa: Bình Phước, đa dạng lan tự nhiên, họ Lan (Orchidaceae).

1. MỞ ĐẦU

Bình Phước là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ nằm trong vùng chuyển tiếp từ Tây Nguyên xuống đồng bằng nằm ở sườn Tây Nam của dãy Trường Sơn, có điều kiện địa hình, địa mạo và thủy văn đa dạng. Về mặt sinh thái, tỉnh Bình Phước thuộc vùng sinh thái Nam Trường Sơn và vùng sinh thái rừng khô trung tâm Đông Dương. Do đó, thảm thực vật có các đặc trưng cơ bản của hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới gió mùa, điển hình ở phía Nam nước ta trong hệ sinh thái rừng miền Đông Nam Bộ, đồng thời có những đặc điểm chung của hệ sinh thái vùng Đông Dương trên nền khí hậu gió mùa cận xích đạo, có lượng mưa lớn và phân mùa rõ rệt, ánh sáng dồi dào, độ ẩm không khí cao và chế độ thủy văn, thổ nhưỡng khá thuận lợi, hình thành và phát triển nhiều hệ sinh thái đặc sắc. Các sinh cảnh đặc trưng của Bình Phước là đồng cỏ, rừng thường xanh và rừng rụng lá, với hệ động thực vật khá đa dạng và phong phú, trong đó có các loài lan rừng. Các nghiên cứu và ghi nhận về lan ở Bình Phước chưa nhiều, chỉ tập trung chủ yếu ở Vườn Quốc gia, như Vườn Quốc gia Bù Gia Mập ghi nhận 46 loài 20 chi [1]. Bình Phước cũng là nơi bảo tồn các loài lan rừng quý hiếm có giá trị kinh tế cho vùng Đông Nam Bộ. Vì vậy, việc điều tra, nghiên cứu cập nhật đầy đủ làm cơ sở dữ liệu về tính đa dạng các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) tỉnh Bình Phước, giúp cho việc quản lý, bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên nói chung và nguồn gen của các loài thuộc họ Lan nói riêng là cần thiết.

2. NGUYÊN LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nguyên liệu

Tất cả các loài lan rừng thuộc họ Lan (Orchidaceae) phân bố ở Bình Phước.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Tiến hành điều tra và thu mẫu các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) ngoài thực địa, địa điểm điều tra được thiết lập dựa vào đặc điểm phân bố của họ Lan (Orchidaceae) tại 6 điểm thu mẫu thuộc huyện Bù Đẳng, Bù Đốp, Lộc Ninh và vườn Quốc gia Bù Gia Mập (Hình 1). Việc điều tra thu thập mẫu được tiến hành theo các tuyến vạch sẵn dựa vào bản đồ hiện trạng rừng ở địa điểm khảo sát, chiều dài tuyến khảo sát 5.000 m, rộng 5 m trong đó ưu tiên các tuyến đại diện và thông qua các sinh cảnh khác nhau, thời gian điều tra được thực hiện từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2020. Mẫu lan được thu thập trong quá trình điều tra gồm bộ mẫu sống được xử lý và chụp ảnh ngoài thực địa, và kèm theo lý lịch mẫu. Bộ mẫu sống được lưu giữ ở vườn sưu tập lan của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Tên khoa học và dạng sống của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) được xác định theo phương pháp hình thái so sánh trên cơ sở các tài liệu công bố của Phạm Hoàng Hộ (2003) [2], khóa tra loài của Gagnepain & Guillaumin (1932-1934) [3], Cribb (1998) [4], Averyanov *et al.* (2003) [5], Averyanov (2013) [6], đồng thời đối chiếu so mẫu với bộ mẫu chuẩn được lưu giữ ở Bảo tàng thực vật thuộc Viện Sinh học nhiệt đới. Việc chỉnh sửa và cập nhật tên khoa học các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) được tiến hành theo các công bố của Kew science (<https://wcsp.science.kew.org>) và *The Plant List* (<http://www.theplantlist.org/>) [7].

Giá trị sử dụng của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) được xác định dựa theo phương pháp phỏng vấn có sự tham gia (PRA) và các tài liệu có liên quan như: Võ Văn Chi (2012) [8], Phạm Hoàng Hộ (2006) [9], Trần Hợp (1998) [10], Đỗ Tất Lợi (2009) [11], Nguyễn Thiện Tịch (2001) [12]. Tình trạng bảo tồn của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) được đánh giá theo Sách đỏ Việt Nam - Phần thực vật học (2007) [13].



Hình 1. Bản đồ vị trí thu mẫu lan rừng tại các huyện ở tỉnh Bình Phước
1. Xã Phú Sơn, 2. xã Dak Nhou (huyện Bù Đẳng), 3. Vườn Quốc gia Bù Gia Mập
4. Xã Phước Thuận (huyện Bù Đốp), 5. Xã Lộc An, 6. Xã Lộc Hòa (huyện Lộc Ninh)

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng thành phần loài

Kết quả phân tích số liệu thu được ngoài thực địa và trong phòng thí nghiệm, đã xác định được họ Lan (Orchidaceae) ở tỉnh Bình Phước có 119 loài thuộc 49 chi chiếm tỷ lệ 9,91% trong tổng số (1.200 loài) lan rừng Việt Nam [2, 6, 10] (Bảng 1).

Bảng 1. Danh lục thành phần loài lan rừng tỉnh Bình Phước

| STT | Tên khoa học | Tên Việt Nam | Dạng sống |
|-----|--|-----------------------------|------------|
| 1 | <i>Acampe papillosa</i> Lindl. | Bắp ngô cụm ngắn | Epi. |
| 2 | <i>Acampe ochracea</i> (Lindl.) Hochr. | Lan bắp ngô vàng | Epi. |
| 3 | <i>Acriopsis indica</i> Wight. | Tổ yến ấn | Epi. |
| 4 | <i>Acriopsis javanica</i> Reinw. ex Blume | Tổ yến java | Epi. |
| 5 | <i>Agrostophyllum brevipes</i> King & Pantling | Xích thủ thân đẹp | Epi. |
| 6 | <i>Agrostophyllum planicaule</i> (Wall. ex Lindl.) Rchb.f. | Xích hủ thân mập | Epi. |
| 7 | <i>Agrostophyllum callosum</i> Rchb.f. | Càng cua thân dài | Epi. |
| 8 | <i>Aerides falcata</i> Lindl. | Giáng hương | Epi |
| 9 | <i>Aerides houlettiana</i> Rchb.f. | Giáng hương quế nâu | Epi |
| 10 | <i>Aerides multiflora</i> Roxb. | Giáng hương nhiều hoa | Epi. |
| 11 | <i>Aerides odorata</i> [Poir.] Lour. | Giáng hương thơm | Epi. |
| 12 | <i>Ascocentrum miniatum</i> (Lindl.) Schlechter | Hoàng yến cam | Epi |
| 13 | <i>Anoectochilus roxborghi</i> Blume | Lan kim tuyến | Ter |
| 14 | <i>Appendicula cornuta</i> Blume | Lan chân rết | Lit., Epi. |
| 15 | <i>Brachypeza laotica</i> (Seidenf.) Seidenf. | Lan môi sừng | Epi. |
| 16 | <i>Bulbophyllum affine</i> Wall. ex Lindl. | Cầu điệp gói | Epi. |
| 17 | <i>Bulbophyllum blepharistes</i> Rchb. f. | Lọng tai thỏ | Lit., Epi. |
| 18 | <i>Bulbophyllum morphologorum</i> Kraenzl | Lọng chùm cong | Lit., Epi. |
| 19 | <i>Bulbophyllum macrocoleum</i> Seidenf. | Cầu điệp kim | Epi. |
| 20 | <i>Bulbophyllum careyanum</i> (Hook.) Spreng | Lọng hoa dày | Ter., Epi. |
| 21 | <i>Bulbophyllum wallichii</i> Rchb.f. | Lọng | Epi. |
| 22 | <i>Bulbophyllum rufinum</i> Rchb.f. | Lọng thông | Epi. |
| 23 | <i>Bulbophyllum retusiusculum</i> Rchb.f. | Lọng cầu hành | Epi. |
| 24 | <i>Calanthe rubens</i> Ridl. | Lan bầu rượu xuân | Ter. |
| 25 | <i>Cleisostoma duplicilobum</i> (J.J.Sm.) Garay | Mật khẩu hai thùy | Epi. |
| 26 | <i>Cleisostoma arietinum</i> (Rchb.f.) Garay | Mật khẩu đầu bò | Epi. |
| 27 | <i>Cleisostoma chantaburiense</i> Seidenf. | Mật khẩu miệng kín lộc ninh | Ter., Epi. |
| 28 | <i>Cleisostoma striatum</i> (Rchb.f.) N.E.Br. | Mật khẩu sọc | Epi. |

| STT | Tên khoa học | Tên Việt Nam | Dạng sống |
|-----|---|-------------------------------|------------|
| 29 | <i>Cleisostoma fuerstenbergianum</i> Kranzl | Mật khẩu mảnh | Epi. |
| 30 | <i>Cleisostoma lecongkietii</i> Tich et Aver. | Mật khẩu | Epi. |
| 31 | <i>Cleisostoma racemiferum</i> (Lindl.) Garay | Miệng kín phân nhánh | Epi. |
| 32 | <i>Coelogyne brachchyptera</i> Rchb.f. | Thanh đạm xanh | Epi. |
| 33 | <i>Coelogyne fimbriata</i> Lindl. | Thanh đạm rìa | Epi. |
| 34 | <i>Coelogyne trinervis</i> Lindl. | Thanh đạm ba gân | Lit., Epi. |
| 35 | <i>Coelogyne viscosa</i> Rchb.f. | Thanh đạm cỏ | Epi. |
| 36 | <i>Coelogyne asamica</i> Linden & Rchb.f. | Thanh đạm trung | Epi. |
| 37 | <i>Cymbidium aloifolium</i> (L.) Sw. | Kiểm lô hội | Ter., Epi. |
| 38 | <i>Cymbidium finlaysonianum</i> Wall. ex Lindl. | Kiểm vàng | Epi. |
| 39 | <i>Dendrobium anosmu</i> Lindley | Lưỡng điểm hạc, Phi điệp. | Epi. |
| 40 | <i>Dendrobium aloifolium</i> (Blume) Rchb.f. | Hoàng thảo | Epi. |
| 41 | <i>Dendrobium chrysotoxum</i> Lindl. | Kim điệp | Epi. |
| 42 | <i>Dendrobium cecundum</i> (Bl.) Lindl. | Hoàng thảo báo hi | Epi. |
| 43 | <i>Dendrobium crumenatum</i> Sw. | Tuyết mai, bạch ngọc | Epi. |
| 44 | <i>Dendrobium cumulatum</i> Lindl. | Hoàng thảo tích tụ | Epi. |
| 45 | <i>Dendrobium fameri</i> Paxt. | Thủy tiên trắng | Epi. |
| 46 | <i>Dendrobium palpebrae</i> Lindley | Hoàng thảo thủy tiên vàng | Epi. |
| 47 | <i>Dendrobium leonis</i> Rchb.f. | Hoàng thảo tai hổ | Epi. |
| 48 | <i>Dendrobium nathanielis</i> Rchb.f. | Hoàng thảo móng rồng | Epi. |
| 49 | <i>Dendrobium oligophyllum</i> Gagnep. | Đen rô xanh, Hoàng thảo ít lá | Epi. |
| 50 | <i>Dendrobium pachyglossum</i> Rchb. f. | Hoàng thảo mảnh | Epi. |
| 51 | <i>Dendrobium parviflorum</i> Rchb.f. ex Lindl. | Hoàng thảo hương lan | Epi. |
| 52 | <i>Dendrobium heterocarpum</i> Wall. ex Lindl. | Nhất điểm hoàng | Epi. |
| 53 | <i>Dendrobium salaccence</i> Lindl. | Trúc lan | Epi. |
| 54 | <i>Dendrobium gratiosissimum</i> Rchb.f. | Hoàng thảo ý thảo | Epi. |
| 55 | <i>Dendrobium simondii</i> Gagnep. | Hoàng thảo Nam bộ | Epi. |
| 56 | <i>Dendrobium draconis</i> Rchb.f. | Nhất điểm hồng | Epi. |
| 57 | <i>Dendrobium exile</i> Schltr. | Hoàng thảo lá sợi | Epi. |
| 58 | <i>Dendrobium lindleyi</i> Steud | Hoàng thảo vảy rồng | Epi. |
| 59 | <i>Drymoda asamensis</i> Lindl. | Lan củ chén xiêm | Epi. |
| 60 | <i>Epimastigma dives</i> (Rchb.f.) Garay | Nhụy sừng trắng | Epi. |
| 61 | <i>Eria lasiopetala</i> (Will.) Ormerod | Nữ len nhung | Epi. |
| 62 | <i>Eria bractescens</i> Lindl. | Nữ lan lá bắp to | Epi. |
| 63 | <i>Eria pennea</i> Lindl. | Nữ lan tả toí | Epi. |

Đa dạng lan tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bình Phước

| STT | Tên khoa học | Tên Việt Nam | Dạng sống |
|-----|--|---------------------|-----------|
| 64 | <i>Eria acervata</i> Lindl. (<i>E.poilanei</i> Gagn) | Ni lan trắng | Epi. |
| 65 | <i>Eria tomentosa</i> (Koen.) Hook.f. | Ni len nhung | Epi. |
| 66 | <i>Eria cochinchinensis</i> Gagnep. | Ni lan Nam Bộ | Epi. |
| 67 | <i>Flickingeria fimbriata</i> (Blume) A.D. Hawkes | Thạch học mi | Epi. |
| 68 | <i>Gastrochilus obliquus</i> (Lindl.) Kuntze | Hàm lân tu | Epi. |
| 69 | <i>Liparis viridiflora</i> Lindl. | Lan tai dê nền | Epi. |
| 70 | <i>Liparis nana</i> Rolfe | Tai dê lùn | Ter. |
| 71 | <i>Luisia psyche</i> Rchb.f. | Lụi mơ | Epi. |
| 72 | <i>Macropodanthus alatus</i> (Holt.) Seidenf. & Garay | Đại cước | Epi. |
| 73 | <i>Micropera poilanei</i> (Guillaumin) Garay | Vĩ túi | Epi. |
| 74 | <i>Micropera thailandica</i> Garay | Lan túi lưỡi thái | Epi. |
| 75 | <i>Microsaccus griffithii</i> (Par & Rchb. f) Seidenf | Sư trăm | Epi. |
| 76 | <i>Malaxis calophylla</i> (Rchb. f.) Kuntze | Ái lan lá đẹp | Epi. |
| 77 | <i>Malaxis latifolia</i> Sma. | Ái lan lá rộng | Epi. |
| 78 | <i>Malaxis purpurea</i> (Lindl.) Kuntze | Mai đất tím | Epi. |
| 79 | <i>Nervilia gracilis</i> Aver. | Diệp tâm lan | Epi. |
| 80 | <i>Nervilia fordii</i> (Hance) Schltr. | Lan một lá | Ter. |
| 81 | <i>Nervilia plicata</i> (Andrews) Schltr. | Trân châu xếp | Ter. |
| 82 | <i>Nervilia aragoana</i> Gaudich | Trân châu xanh | Ter. |
| 83 | <i>Oberonia trochopetala</i> Gagnep. | Móng rùa | Epi. |
| 84 | <i>Oberonia acaulis</i> Griff | Móng rùa không thân | Epi. |
| 85 | <i>Ornithochilus difformis</i> (Wall. ex Lindl.) Scht. | Môi chim mép rềm | Epi. |
| 86 | <i>Panisea uniflora</i> Lindl. | Khúc thần một hoa | Ter. |
| 87 | <i>Panisea albiflora</i> (Ridl) Seidenf. | Khúc thần trắng | Epi. |
| 88 | <i>Pelatantheria ctenoglossa</i> Ridl. | Bạt lan trăm | Epi. |
| 89 | <i>Pelatantheria ctenoglossum</i> Ridl. | Môi lược | Epi. |
| 90 | <i>Phalaenopsis deliciosa</i> Rchb.f. | Hồ điệp | Epi. |
| 91 | <i>Pholidota imbricata</i> W. J. Hook. | Túc đoạn Chuối ngọc | Epi. |
| 92 | <i>Pholidota articulata</i> Lindl. | Túc đoạn đốt | Epi. |
| 93 | <i>Polystachya concreta</i> Garay & H.R.Sweet | Đa bông trắng | Epi. |
| 94 | <i>Pomatocalpa spicatum</i> Breda | Thùy ly vàng | Ter. |
| 95 | <i>Pteroceras teres</i> (Blume) Holttum | Môi sừng trụ | Epi. |
| 96 | <i>Pteroceras compressum</i> (Blume) Holttum | Môi sừng | Epi. |
| 97 | <i>Rhynchostylis gigantea</i> [Lindley] Ridley | Ngọc điểm đai châu | Epi. |

| STT | Tên khoa học | Tên Việt Nam | Dạng sống |
|-----|---|----------------------------|-----------|
| 98 | <i>Rhynchostylis retusa</i> [L.] Blume | Ngọc điểm đuôi cáo | Epi. |
| 99 | <i>Rhynchostylis coelestis</i> Rchb.f. | Ngọc điểm hải âu | Epi. |
| 100 | <i>Robiquetia succisa</i> (Lindl.) Seidenf. & Garay. | Túi chùy thất | Epi. |
| 101 | <i>Smitinandia micrantha</i> (Lindl.) Holttum | Lan Mã lai trắng | Epi. |
| 102 | <i>Staurochilus fasciatus</i> Ridley | Hổ bì | Ter. |
| 103 | <i>Taeniophyllum obtusum</i> Blume | Đại diệp tà; Đại diệp việt | Epi. |
| 104 | <i>Taeniophyllum daroussinii</i> Tixier & Guillaumin | Căn diệp Xuân lộc | Epi. |
| 105 | <i>Taeniophyllum pusillum</i> (Willd.) Seidenf. & Ormerod | Căn diệp tù | Epi. |
| 106 | <i>Thecostele alata</i> (Rchb.f.) Par. & Rchb. f. | Củ chén | Epi. |
| 107 | <i>Thelasis pygmaea</i> (Griff.) Lindl. | Củ dẹt lùn | Epi. |
| 108 | <i>Thelasis micrantha</i> (Brongn.) J.J.Sm. | Củ dẹt nhọn | Epi. |
| 109 | <i>Tropidia curculigoides</i> Lindl. | Lan đất bông ngắn | Ter. |
| 110 | <i>Thrixspermum centipeda</i> Lour. | Mao tứ nhện | Epi. |
| 111 | <i>Thrixspermum trichoglottis</i> (Hook.f.) Kuntze | Mao tứ lưới | Epi. |
| 112 | <i>Thrixspermum leucarachne</i> Rindl. | Xương cá đốm đỏ | Epi. |
| 113 | <i>Thunia alba</i> (Lindl.) Rchb.f. | Hạc đỉnh trắng | Ter. |
| 114 | <i>Thunia pulchra</i> Rchb.f. | Bạch hạc nhỏ | Ter. |
| 115 | <i>Trias disciflora</i> Rolfe | Ba góc đĩa | Epi. |
| 116 | <i>Trichoglottis seidenfadenii</i> Aver. | Mao thiệt | Epi. |
| 117 | <i>Trichoglottis retusa</i> Blume | Mao thiệt tà | Epi. |
| 118 | <i>Trichotosia pulvinata</i> (Lindl.) Kraenzl | Mao lan gối | Epi. |
| 119 | <i>Vanda denisoniana</i> Benson & Rchb.f. | Mỹ dung dạ hương | Epi. |

Ghi chú: Epi: Phong lan; Lit: Thạch lan; Ter: Địa lan.

3.2. Đa dạng về loài trong chi

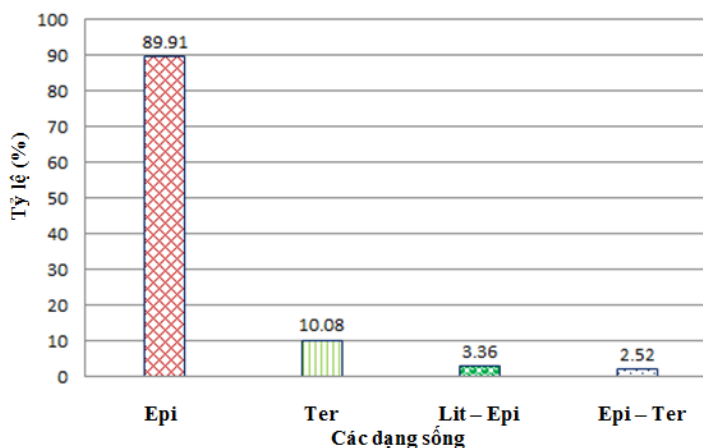
Trong tổng số 119 loài lan rừng được nghi nhận, đa dạng nhất là chi *Dendrobium* với 20 loài chiếm (16,80%), tiếp đến là chi *Bulbophyllum* có 8 loài chiếm (6,72%), chi *Cleisostoma* có 7 loài chiếm (5,88%), chi *Eria* có 6 loài chiếm (5,04 %), chi *Coelogyne* có 5 loài chiếm (4,20%), chi *Aerides* có 4 loài chiếm (3,36%), 5 chi có 3 loài đó là *Agrostophyllum*, *Malaxis*, *Rhynchostylis*, *Taeniophyllum*, *Thrixspermum* chiếm (2,52%), 13 chi có 2 loài chiếm (1,68%). Các chi còn lại chỉ có 1 loài chiếm tỷ lệ thấp (0,84%) (Bảng 2).

Bảng 2. Đa dạng về loài trong chi của họ Lan (Orchidaceae) ở tỉnh Bình Phước

| STT | Chi (Genus) | Số lượng loài | Tỷ lệ % |
|-----|--|---------------|---------|
| 1 | <i>Dendrobium</i> | 20 | 16,80 |
| 2 | <i>Bulbophyllum</i> | 8 | 6,70 |
| 3 | <i>Cleisostoma</i> | 7 | 5,88 |
| 4 | <i>Eria</i> | 6 | 5,00 |
| 5 | <i>Coelogyne</i> | 5 | 4,20 |
| 6 | <i>Aerides</i> | 4 | 6,72 |
| 7 | <i>Nervilia</i> | 4 | |
| 8 | <i>Agrostophyllum</i> | 3 | 12,50 |
| 9 | <i>Malaxis</i> | 3 | |
| 10 | <i>Rhynchostylis</i> | 3 | |
| 11 | <i>Taeniophyllum</i> | 3 | |
| 12 | <i>Thrixspermum</i> | 3 | |
| 13 | <i>Acampe</i> | 2 | 21,84 |
| 14 | <i>Acriopsis</i> | 2 | |
| 15 | <i>Cymbidium</i> | 2 | |
| 16 | <i>Liparis</i> | 2 | |
| 17 | <i>Micropera</i> | 2 | |
| 18 | <i>Oberonia</i> | 2 | |
| 19 | <i>Panisea</i> | 2 | |
| 20 | <i>Pelatantheria</i> | 2 | |
| 21 | <i>Pholidota</i> | 2 | |
| 22 | <i>Pteroceras</i> | 2 | |
| 23 | <i>Thelasis</i> | 2 | |
| 24 | <i>Thunia</i> | 2 | |
| 25 | <i>Trichoglottis</i> | 2 | |
| 26 | <i>Ascocentrum, Anoectochilus, Appendicula, Brachypeza, Calanthe, Drymoda, Eparmatostigma, Flickingeria, Gastrochilus, Luisia, Macropodanthus, Microsaccus, Ornithochilus, Phalaenopsis, Polystachya, Pomatocalpa, Robiquetia, Smitinandia, Staurochilus, Thecostele, Tropidia, Trias, Trichotosia, Vanda.</i> | 1 | 20,16 |
| | 49 | 119 | 100 |

3.3. Đa dạng về dạng sống

Dạng sống của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) cũng rất đa dạng, phân bố ở nhiều dạng sinh cảnh khác nhau, một loài có thể có một hoặc hai dạng sống khác nhau. Từ Bảng 1 cho thấy, nhóm dạng sống Phong lan (Epi.) có số lượng loài nhiều nhất với 107 loài, chiếm 89,91% tổng số loài trong vùng nghiên cứu, nhóm này thường sống bám vào các cây gỗ lớn trong các rừng thường xanh ẩm; kế đến là nhóm Địa lan (Ter.) có 12 loài, chiếm 10,08%, nhóm này thường mọc trên đất có tầng thảm mục ẩm hoặc đất thịt dưới tán rừng; nhóm vừa Thạch lan (Lit.) và Phong lan (Epi.) có 4 loài, chiếm 3,36%; và nhóm vừa Phong lan (Epi.) và Địa lan (Ter.) có 3 loài, chiếm 2,52% (Hình 2) [6,12]. Như vậy, nhóm Phong lan (Epi.) chiếm tỷ lệ cao nhất (89,91%) tổng số loài trong số các dạng sống hiện có của họ Lan (Orchidaceae) ở vùng nghiên cứu, góp phần làm tăng tính đa dạng cho hệ thực vật ở tỉnh Bình Phước nói riêng và cả Nam Bộ nói chung.



Hình 2. Biểu đồ đa dạng về các dạng sống của họ Lan (Orchidaceae)

3.4. Đa dạng về nguồn gen quý hiếm

Trong 119 loài lan rừng được xác định thuộc họ (Orchidaceae) ở tỉnh Bình Phước, có 6 loài quý hiếm trong sách Đỏ Việt Nam (2007), phần II thực vật học [13]. Trong đó 3 loài xếp bậc EN, đó là các loài *Agrostophyllum planicaule* (Wall. ex Lindl.) Rchb.f., *Dendrobium chrysotoxum* Lindl., *Dendrobium heterocarpum* Wall. ex Lindl. và 3 loài xếp bậc VU, đó là *Coelogyne trinervis* Lindl., *Dendrobium fameri* Paxt, *Dendrobium draconis* Rchb.f. Đây là những loài có vùng phân bố hẹp nhưng thường bị tác động về môi trường sống và luôn bị khai thác vì mục đích thương mại (do vậy cũng có thể nâng cao số loài quý hiếm ở nơi đây).

3.5. Đa dạng về giá trị sử dụng

Tất cả các loài trong họ Lan (Orchidaceae) ở tỉnh Bình Phước đều có giá trị kinh tế và thương mại, làm cảnh vì dễ trồng và dễ chăm sóc, chúng thường cho màu sắc đẹp và hương thơm như: Giáng hương thơm (*Aerides odorata*), Thanh đạm 3 gân (*Coelogyne trinervis*), Hoàng thảo thủy tiên vàng (*Dendrobium palpebrae*), Hoàng thảo móng rồng (*Dendrobium nathanielis*), Ngọc điểm (*Rhynchostylis gigantea*), Mỹ dung dạ hương (*Vanda denisoniana*),... Trong đó nhiều loài được sử dụng làm thuốc chữa các bệnh thông thường như sốt, mụn nhọt, ho, suy nhược cơ thể, suy dinh dưỡng,... Kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được 13 loài chiếm (10,92%) có giá trị dược liệu gồm: Tô yến Java (*Acriopsis liliifolia*), Giáng hương (*Aerides falcata*), Chân rết (*Appendicula cornuta*), Lan Kim tuyến (*Anoectochilus roxborghii*),

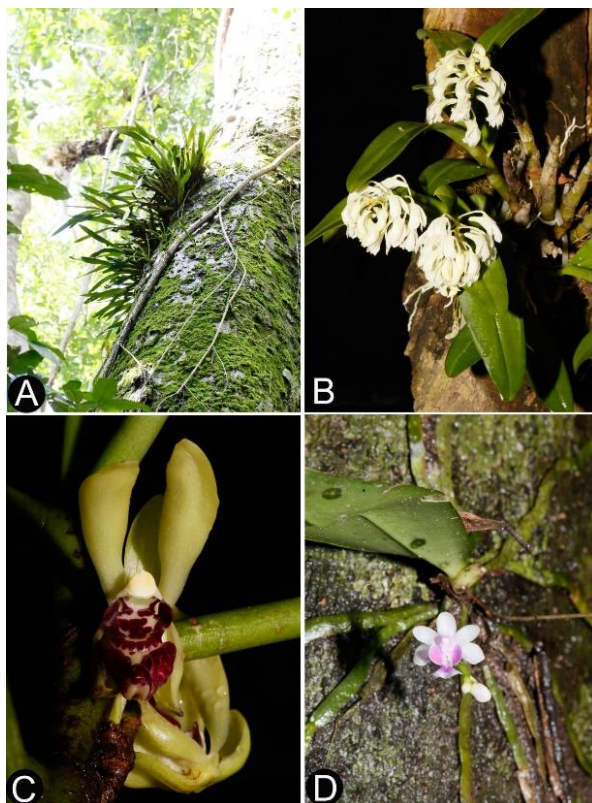
Đoạn kiếm lô hội (*Cymbidium aloifolium*), Tuyết mai (*Dendrobium crumenatum*), Lan ý thảo (*Dendrobium gratiosissimum*), Lan một lá (*Nervilia fordii*), Mai đất tím (*Malaxis purpurea*), Tục đoạn kẻ (*Pholidota articulata*), Tục đoạn kết hợp (*Pholidota imbricata*), Ngọc điểm đuôi cáo (*Rhynchostylis retusa*), và Lan đất bông ngắn (*Tropidia curculigoides*) [8, 10].

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã xác định được họ Lan (Orchidaceae) ở tỉnh Bình Phước có 119 loài thuộc 49 chi. Trong đó đa dạng nhất là chi *Dendrobium* với 20 loài chiếm 16,80%, tiếp đến là chi *Bulbophyllum* có 8 loài chiếm 6,72%, chi *Cleisostoma* có 7 loài chiếm 5,88%, chi *Eria* có 6 loài chiếm 5,04%, chi *Coelogyne* có 5 loài chiếm 4,20%, chi *Aerides* có 4 loài chiếm 3,36%, 5 chi có 3 loài đó là *Agrostophyllum*, *Malaxis*, *Rhynchostylis*, *Taeniophyllum*, *Thrixspermum* chiếm 2,52%. Các chi còn lại chỉ có 1-2 loài chiếm tỷ lệ thấp (0,84-1,68%).

Tất cả các loài lan tự nhiên ở vùng nghiên cứu đều có giá trị thương mại, làm cảnh và làm thuốc chữa bệnh, có 6 loài được ghi nhận trong Sách đỏ Việt Nam (2007), xếp bậc EN và VU.

Dạng sống của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) được chia làm 4 nhóm, phân bố trên các loại sinh cảnh khác nhau: nhóm sống trên thân cây (Phong lan), nhóm dưới đất, dưới tán rừng (Địa lan), nhóm sống trên đá và trên thân cây (Thạch lan và Phong lan), nhóm vừa trên thân cây và dưới đất (Phong lan và Địa lan).



Hình 3. Một số loài lan rừng thuộc họ Lan (Orchidaceae) ở vùng nghiên cứu
A. *Agrostophyllum planicaule* (Wall. ex Lindl.) Rchb.f.; B. *Dendrobium simondii* Gagnep.
C. *Luisia psyche* Rchb.f. ; D. *Phalaenopsis deliciosa* Rchb.f.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Sinh học nhiệt đới - Điều tra, giám sát một số loài và sinh cảnh quan trọng tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, Báo cáo khoa học, TP. Hồ Chí Minh (2010).
2. Phạm Hoàng Hộ - Orchidaceae - Họ Lan, Cây cỏ Việt Nam, Quyển 3, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh (2003) 760-968.
3. Gagnepain F. & Guillaumin A. - Orchidaceae & Apostasiaceae, Flore Générale de l'Indochine, Vol. 6 (1932-1934) 142-647.
4. Cribb P. - The Genus Paphiopedilum, The Royal Botanic Gardens Kew/Timber Press, Portland OR (1998) 427p.
5. Averyanov L.V, Averyanova A.L - Updated checklist of the Orchids of Vietnam, Vietnam National University Publishing House (2003), 101 pages.
6. Averyanov L.V. - The orchids of Vietnam illustrated survey. Part 4. Subfamily *Epidendroideae* (tribes *Arethuseae* and *Malaxideae*), Turczaninowia **16** (1) (2013) 5-163.
7. Kew science (<https://wesp.science.kew.org>) và The Plant List (<http://www.theplantlist.org/>).
8. Võ Văn Chi - Từ điển cây thuốc Việt Nam, Tập 1& 2, NXB Y học, Hà Nội (2012).
9. Phạm Hoàng Hộ - Cây có vị thuốc ở Việt Nam, NXB Trẻ, TP.Hồ Chí Minh (2006) 649-654.
10. Trần Hợp - Phong lan Việt Nam, NXB Nông nghiệp, TP.Hồ Chí Minh (1998).
11. Đỗ Tất Lợi - Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, NXB Y học, Hà Nội (2009).
12. Nguyễn Thiện Tịch - Lan Việt Nam, quyển 1, NXB Nông nghiệp, TP.Hồ Chí Minh (2001) 424 tr.
13. Bộ Khoa học và Công nghệ - Sách Đỏ Việt Nam - Phần thực vật, NXB Khoa học và Công nghệ, Hà Nội (2007) 399-478.

ABSTRACT

DIVERSITY OF ORCHIDACEAE IN BINH PHUOC PROVINCE

Nguyen Minh Ty*, Nguyen Vinh Hien
Thu Dau Mot University, Binh Duong province
*Email: tynm@tdmu.edu.vn

Result of study on the diversity of orchids in Binh Phuoc province from June 2019 to December 2020 have identified 119 orchids species belonging to 49 different genera, accounting for 9.91% of the total number of orchid species available in Viet Nam (1.200 species). Among them, all species were used as ornamental plants; 13 species were used for medicinal herbs; and 6 species were listed for conservation in Vietnam Red Data Book, Part II, Plants (2007). The life forms of Orchids were divided into groups including: (1) Epiphytes with 107 species, (2) Terrestrials with 12 species, (3) Lithophytes and Epiphytes with 4 species, (4) Epiphytes and Terrestrials with 3 species.

Keywords: Binh Phuoc, diversity of natural orchids, Orchidaceae.